

Số: /KH-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH
Kiểm tra cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính
năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Thực hiện Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chương trình cải cách hành chính của tỉnh giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 15/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Đồng Nai năm 2025; Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 02/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính và trách nhiệm người đứng đầu của các cơ quan, đơn vị, địa phương; Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 03/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về chấn chỉnh, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ, giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Đôn đốc, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính.

b) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, cải tiến lề lối làm việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ, hiệu quả giải quyết công việc của cán bộ, công chức, viên chức, nhằm góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các cơ quan hành chính nhà nước.

c) Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính. Trong đó, trọng tâm cải cách TTHC, cải cách tổ chức bộ máy nhằm đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng của người dân, tổ chức khi thực hiện chính quyền 02 cấp, qua đó phát hiện những sáng kiến, cách làm hay trong tổ chức, triển khai thực hiện. Đồng thời, đánh giá ưu điểm, nhược điểm, hạn chế và nguyên nhân trong tổ chức thực hiện văn bản chỉ đạo

của Trung ương và UBND tỉnh trong công tác cải cách hành chính để tham mưu giúp UBND tỉnh về những vấn đề cần tập trung chỉ đạo.

d) Sử dụng kết quả kiểm tra để đánh giá Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ngành, UBND các xã, phường; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu, các đơn vị, địa phương năm 2025 mà không đánh giá lại đối với các nội dung đã được các Đoàn kiểm tra của tỉnh kết luận.

2. Yêu cầu

a) Nội dung kiểm tra có trọng tâm; hoạt động kiểm tra phải chính xác, khách quan, đúng quy định của pháp luật và không làm cản trở hoạt động bình thường của các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra.

b) Qua kiểm tra phải làm rõ những mặt tích cực, những tồn tại, hạn chế, sai phạm (*nếu có*); kiến nghị các biện pháp xử lý cụ thể. Kết thúc kiểm tra, Đoàn Kiểm tra báo cáo kết quả chính thức bằng văn bản gửi Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

Kiểm tra việc triển khai và kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính của sở, ngành và UBND các xã, phường trong năm 2025 (*tính đến thời điểm kiểm tra*), tập trung vào các nhiệm vụ sau:

1. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính.
2. Cải cách thể chế.
3. Cải cách thủ tục hành chính.
4. Cải cách tổ chức bộ máy.
5. Cải cách chế độ công vụ.
6. Cải cách tài chính công.
7. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

III. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC KIỂM TRA

1. Đối tượng

Các sở, ngành và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

2. Hình thức kiểm tra

Kết hợp hình thức làm việc trực tiếp tại cơ quan, đơn vị, địa phương và kiểm tra qua báo cáo, cụ thể:

- a) Kiểm tra theo Kế hoạch

Thời gian và đối tượng kiểm tra theo Phụ lục đính kèm (*Phụ lục 01*).

b) Kiểm tra đột xuất: Căn cứ vào tình hình thực tế triển khai cải cách hành chính, kiểm soát TTHC của các sở, ngành và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh để lựa chọn ngẫu nhiên kiểm tra đột xuất (*không thông báo trước thời gian, địa điểm, đơn vị kiểm tra*). Nội dung kiểm tra gồm toàn phần hoặc một phần nêu trong Kế hoạch này.

IV. KINH PHÍ

Kinh phí phục vụ hoạt động kiểm tra được sử dụng từ nguồn kinh phí thực hiện công tác cải cách hành chính đã phân bổ cho Sở Nội vụ năm 2025.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan thành lập Đoàn kiểm tra cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính của tỉnh; tổ chức kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị, địa phương theo Kế hoạch. Kết thúc kiểm tra, báo cáo kết quả về UBND tỉnh theo quy định.

Đối với việc kiểm tra theo các chỉ đạo cụ thể của Chủ tịch UBND tỉnh mà cần thiết phải thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành của tỉnh, giao Sở Nội vụ tham mưu, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo xử lý cụ thể.

2. Văn phòng UBND tỉnh

Giao Văn phòng UBND tỉnh phối hợp cử nhân sự tham gia Đoàn kiểm tra cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính với vai trò Phó Trưởng đoàn phối hợp triển khai công tác kiểm tra thuộc lĩnh vực kiểm soát thủ tục hành chính tại các đơn vị, địa phương.

3. Các sở, ngành và UBND các xã, phường

- Phối hợp cử công chức, viên chức của đơn vị tham gia Đoàn kiểm tra của tỉnh khi có yêu cầu.

- Xây dựng Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính năm 2025 đảm bảo kiểm tra ít nhất **50%** các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc cơ quan, đơn vị.

- Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch các xã, phường được kiểm tra có trách nhiệm chuẩn bị báo cáo phục vụ Đoàn kiểm tra theo Đề cương ban hành kèm theo Kế hoạch này (*Phụ lục 2*) và tạo điều kiện thuận lợi để Đoàn kiểm tra hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Đối với các sở, ngành và UBND các xã, phường chưa được kiểm tra: Chủ động tự kiểm tra kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính theo các nội dung Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025 của cơ quan, đơn vị; kết quả thực hiện lồng ghép vào báo cáo cải cách hành chính định kỳ.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Yêu cầu các sở, ngành tỉnh và UBND các xã, phường nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (Vụ cải cách hành chính);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND cấp xã;
- Chánh, Phó CVP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCC, SNV.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trường Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC 1

**Đối tượng, thời gian kiểm tra cải cách hành chính và kiểm soát TTHC
năm 2025 trên địa bàn tỉnh**

(Đính kèm Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị, địa phương	Thời điểm triển khai kiểm tra	Niên độ kiểm tra
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quý III/2025	Từ ngày 01/7/2025 đến thời điểm kiểm tra
2	Sở Y tế	Quý III/2025	
3	Sở Tài chính	Quý III/2025	
4	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quý III/2025	
5	Xã Đại Phước	Quý III/2025	
6	Xã Nhơn Trạch	Quý III/2025	
7	Xã Phước An	Quý III/2025	
8	Phường Bình Long	Quý III/2025	
9	Phường An Lộc	Quý III/2025	
10	Xã Nha Bích	Quý III/2025	
11	Xã Tân Quan	Quý III/2025	
12	Xã Tân Hưng	Quý III/2025	
13	Xã Dầu Giây	Quý III/2025	
14	Xã Gia Kiệm	Quý III/2025	
15	Xã Thống Nhất	Quý III/2025	
16	Phường Bình Lộc	Quý III/2025	
17	Xã Bình Tân	Quý IV/2025	
18	Xã Long Hà	Quý IV/2025	

STT	Tên đơn vị, địa phương	Thời điểm triển khai kiểm tra	Niên độ kiểm tra
19	Xã Phú Riềng	Quý IV/2025	
20	Xã Phú Trung	Quý IV/2025	
21	Xã Long Thành	Quý IV/2025	
22	Xã Hưng Thịnh	Quý IV/2025	
23	Phường Tam Phước	Quý IV/2025	
24	Phường Phước Tân	Quý IV/2025	
25	Phường Đồng Xoài	Quý IV/2025	
26	Phường Bình Phước	Quý IV/2025	
27	Phường Xuân Lập	Quý IV/2025	
28	Phường Long Khánh	Quý IV/2025	
29	Phường Hàng Gòn	Quý IV/2025	
30	Phường Bảo Vinh	Quý IV/2025	
31	Phường Long Bình	Quý IV/2025	
32	Phường Tam Hiệp	Quý IV/2025	
33	Phường Biên Hoà	Quý IV/2025	
34	Phường Trăn Biên	Quý IV/2025	

PHỤ LỤC 02

Đề cương báo cáo phục vụ Đoàn kiểm tra cải cách hành chính và kiểm soát TTHC năm 2025 trên địa bàn tỉnh

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Kiểm tra các hoạt động chỉ đạo, điều hành trong công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính khi thực hiện chính quyền hai cấp *(trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính; việc gắn nhiệm vụ cải cách hành chính với công tác thi đua, khen thưởng, công tác xác định Chỉ số cải cách hành chính, sử dụng Chỉ số cải cách hành chính...)*

2. Kiểm tra tiến độ thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025; chế độ thông tin báo cáo định kỳ về cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính.

3. Về công tác kiểm tra cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính *(Kiểm tra theo kế hoạch; kiểm tra đột xuất; kết quả, tiến độ xử lý, khắc phục những hạn chế, bất cập sau kiểm tra).*

4. Về công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính *(nội dung, hình thức và kết quả thực hiện; nêu rõ số lượng các tin, bài viết, phóng sự chuyên đề về CCHC đã thực hiện).*

5. Công tác triển khai thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh khi thực hiện chính quyền hai cấp.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật; thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật *(số lượng văn bản đã được kiểm tra, rà soát; tiến độ, kết quả xử lý văn bản sau kiểm tra, rà soát; kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật).*

2. Cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính

a) Công tác triển khai thực hiện các văn bản kiểm soát TTHC *(Kế hoạch kiểm soát TTHC và các văn bản chỉ đạo điều hành).*

b) Công bố, công khai, niêm yết TTHC; rà soát đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC

- Kết quả tham mưu công bố, công khai TTHC, Danh mục TTHC (đối với sở, ngành).

- Kết quả công khai, niêm yết TTHC (*trực tiếp, trên Trang thông tin điện tử và các hình thức khác*), số điện thoại đường dây nóng.

- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC (*Số lượng TTHC được rà soát; số lượng TTHC đã được phê duyệt, thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa; đánh giá về cắt giảm chi phí tuân thủ và những hiệu quả sau khi cắt giảm, đơn giản hóa*).

- Kết quả tham mưu công bố TTHC nội bộ; rà soát, đề xuất đơn giản hóa TTHC nội bộ.

- Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị, địa phương (*toàn trình, một phần*).

c) Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

- Tình hình tổ chức và hoạt động Trung tâm Phục vụ hành chính công (*cơ sở vật chất, trang thiết bị, phần mềm ứng dụng, nhân sự, cơ chế phối hợp, chế độ hỗ trợ cho công chức, viên chức và người lao động*).

- Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.

- Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC.

d) Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC.

e) Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC, chất lượng giải quyết xử lý phản ánh, kiến nghị. Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị trong việc giải quyết TTHC (nếu có).

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Kết quả rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan, đơn vị, địa phương và các đơn vị thuộc, trực thuộc. Việc ban hành quy chế làm việc.

- Kết quả quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức. Số lượng cấp phó của các tổ chức bên trong của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền (nếu có).

4. Cải cách chế độ công vụ

- Việc thực hiện xây dựng, phê duyệt Đề án vị trí việc làm. Việc sử dụng, cập nhật phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

- Việc thực hiện các quy định về tuyển dụng công chức, viên chức; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại lãnh đạo, quản lý được trong thời kỳ kiểm tra.

- Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại các cơ quan nhà nước ở cơ quan, đơn vị, địa phương. Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Kết quả quản lý, sử dụng cán bộ, công chức.

5. Cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công; kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các ĐVSNCL.

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại cơ quan, đơn vị, địa phương: Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công. Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách Nhà nước theo Kế hoạch được giao. Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán Nhà nước về tài chính, ngân sách *(nếu có)*.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh và kết quả thực hiện các mục tiêu Chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh.

- Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu số *(số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, tái sử dụng dữ liệu; lập, lưu trữ hồ sơ điện tử, kho lưu trữ dữ liệu điện tử)*.

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

(Kết quả đạt được; những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân).

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

(Nêu những kiến nghị, đề xuất cụ thể, rõ ràng đối với Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và UBND tỉnh).

Đối với các nội dung đơn vị đã được các cấp có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, cung cấp biên bản, kết quả kiểm tra. Đoàn sẽ không kiểm tra lại các nội dung này./.